

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 19-4-2019

Về tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Kiến Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2016, về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1969 (có mặt)

- Bà Trang Thị Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ông R 2, xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ông R 2, xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN THẤY:

Theo các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ trình bày:

Vợ chồng ông, bà có làm đầu thảo các dây hội, trong đó có ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia hội viên, việc góp hội được thỏa thuận như sau:

Đến kỳ khai hụi, người nào bỏ thăm cao thì được lĩnh hụi và phải trả tiền huê hồng cho chủ đầu thảo bằng $\frac{1}{2}$ số tiền của phần hụi, người hốt hụi được đầu thảo giao hụi và phải trả tiền huê hồng cho đầu thảo như thỏa thuận, người hốt hụi phải đóng hụi chết cho đầu thảo theo kỳ khai hụi, đối với hụi khai theo vụ lúa thì đến vụ lúa (khoảng 04 tháng) khai một lần, đối với hụi tháng thì khai hàng tháng, việc theo dõi hụi được đầu thảo lập sổ theo dõi và có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên giữ.

** Đối với hụi khai theo vụ lúa, bà Bào và ông Tám tham gia 05 dây hụi, cụ thể như sau:*

Dây hụi thứ nhất: Hụi khai vào ngày 20/02/2008 âm lịch (trước đây trong đơn khởi kiện ông, bà ghi nhầm là ngày 14/7/2008 âm lịch, nay xác định lại là ngày 20/02/2008 âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng/phần, trong dây hụi này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hụi, dây hụi này có 24 hụi viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày 20/02/2008 âm lịch. Vào lần khai hụi đầu tiên, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm lãnh hụi, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 13.800.000 đồng, ông, bà đã giao đủ tiền hốt hụi cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hốt hụi ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hụi chết được 15 lần, còn 08 lần hụi chết thì bà Bào, ông Tám không đóng hụi chết nên ông, bà đã choàng thay 06 lần bằng 6.000.000 đồng và ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án số 24/2016/DSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Sau đó ông, bà tiếp tục khai hụi đến lần thứ 23 và 24 và ông, bà đã choàng hụi thay cho bà Bào, ông Tám 02 lần bằng 2.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay đã mãn hụi.

Dây hụi thứ hai: Hụi khai vào ngày 02/3/2011 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/phần; trong dây hụi này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B cùng hùn với vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần hụi (trong đó, ông Tám và bà Bào với vợ chồng ông, bà mỗi bên hùn $\frac{1}{2}$ phần hụi bằng 1.000.000 đồng), dây hụi này có 23 hụi viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày 02/3/2011 âm lịch, sau đó 04 tháng khai 01 lần (khai theo vụ lúa). Vào lần khai hụi đầu tiên, ông Tám và bà Bào cùng với ông, bà đã bỏ thăm và được lĩnh hụi, sau khi trừ huê hồng cho chủ đầu thảo, ông, bà đã giao cho ông Tám và bà Bào 13.200.000 đồng; ông, bà cũng lĩnh hụi số tiền 13.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hụi chết được 05 lần (chỉ đóng bằng số tiền hùn, phần hùn còn lại ông, bà đóng); sau đó ông Tám và bà Bào không đóng hụi chết nên ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào 06 lần bằng 6.000.000 đồng và ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án số 24/2016/DSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Sau đó ông, bà tiếp tục khai hụi và choàng hụi thay cho bà Bào, ông Tám 06 lần bằng 6.000.000 đồng. Sau khi khởi kiện, khởi kiện bổ sung xong thì ông, bà tiếp tục choàng hụi cho bà Bào, ông Tám 03 lần với số tiền 3.000.000 đồng (chưa khởi kiện), dây hụi này hiện nay đã mãn hụi.

Dây hụi thứ ba: Hụi khai vào ngày 02/3/2011 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, trong dây hụi này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hụi, dây hụi này có 23 hụi viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày

02/3/2011 âm lịch. Vào lần khai hội thứ ba, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm lĩnh hội, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 21.000.000 đồng, ông, bà đã giao đủ cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hết hội ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hội chết được 05 lần, sau đó thì không đóng tiếp, ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng và ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án số 24/2016/DSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Sau đó ông, bà tiếp tục khai hội và choàng hội thay cho bà Bào, ông Tám 06 lần bằng 12.000.000 đồng. Sau khi khởi kiện, khởi kiện bổ sung xong thì ông, bà tiếp tục choàng hội cho bà Bào, ông Tám 03 lần với số tiền 6.000.000 đồng (chưa khởi kiện), dây hội này hiện nay đã mất hội.

Dây hội thứ tư: Hội khai vào ngày 02/3/2011 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/phần, trong dây hội này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hội, dây hội này có 18 hội viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày 02/3/2011 âm lịch. Vào lần khai hội đầu tiên, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm lĩnh hội, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 16.000.000 đồng, ông, bà đã giao đủ cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hết hội ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hội chết được 07 lần, sau đó thì không đóng tiếp; ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng và ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án số 24/2016/DSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Sau đó ông, bà tiếp tục khai hội và choàng hội thay cho bà Bào, ông Tám 04 lần bằng 8.000.000 đồng, dây hội này hiện nay đã mất hội.

Dây hội thứ năm: Hội khai vào ngày 09/7/2012 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/phần, trong dây hội này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hội, dây hội này có 21 hội viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày 09/7/2012 âm lịch. Vào lần khai hội thứ hai, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm lĩnh hội, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 18.300.000 đồng, ông, bà đã giao đủ cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hết hội ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hội chết được 02 lần, sau đó thì không đóng tiếp, ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng và ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án số 24/2016/DSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Sau đó ông, bà tiếp tục khai hội và choàng hội thay cho bà Bào, ông Tám 06 lần bằng 12.000.000 đồng. Sau khi khởi kiện, khởi kiện bổ sung xong thì ông, bà tiếp tục choàng hội cho bà Bào, ông Tám 03 lần với số tiền 6.000.000 đồng (chưa khởi kiện), dây hội này còn khai hội hai lần nữa mới mất hội.

** Đối với hội khai theo tháng, bà Bào và ông Tám tham gia 02 dây, cụ thể như sau:*

Dây hội thứ nhất: Hội khai vào ngày 18/9/2011 âm lịch, loại hội 300.000 đồng/phần, trong dây hội này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hội, dây hội này có 37 hội viên tham gia, lần khai đầu tiên là ngày 18/9/2011 âm lịch. Vào lần khai hội đầu tiên, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm

116.000 đồng và được lĩnh hội, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 6.474.000 đồng, ông, bà đã giao đủ cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hốt hội ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà hội chết được 19 lần hội chết, sau đó thì không đóng tiếp nên ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào tính đến khi mãn hội bằng 17 lần với số tiền bằng 5.100.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội khui vào ngày 22/02/2012 âm lịch, loại hội 300.000 đồng/phần, trong dây hội này ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị B tham gia 01 phần hội, dây hội này có 31 hội viên tham gia, lần khui đầu tiên là ngày 22/02/2012 âm lịch. Vào lần khui hội đầu tiên, ông Tám và bà Bào đã bỏ thăm 120.000 đồng và được lĩnh hội, sau khi trừ huê hồng cho đầu thảo, số tiền còn lại bằng 5.250.000 đồng, ông, bà đã giao đủ cho ông Tám và bà Bào. Sau khi hốt hội ông Tám và bà Bào đóng cho ông, bà được 11 lần hội chết, sau đó thì không đóng tiếp nên ông, bà đã choàng thay ông Tám và bà Bào tính đến khi mãn hội là 19 lần với số tiền bằng 5.700.000 đồng.

Nay ông Chiến và bà Điều yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bào, ông Tám phải có trách nhiệm trả cho ông, bà số tiền hội chết mà ông, bà đã choàng hội cho bà Bào, ông Tám trong 05 dây hội khui theo vụ lúa và 02 dây hội khui theo tháng nêu trên tổng cộng bằng 50.800.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền mà ông, bà choàng hội cho bà Bào, ông Tám trong các dây hội vụ sau khi khởi kiện, khởi kiện bổ sung thì ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; ông, bà sẽ khởi kiện bà Bào, ông Tám trong vụ án khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Điều, ông Chiến về việc bà có tham gia góp hội và thiếu tiền hội chết của bà Điều, ông Chiến trong 05 dây hội vụ tổng cộng là 40.000.000 đồng (dây hội loại 1.000.000 đồng khui ngày 20/02/2008 âm lịch, có 24 hội viên; dây hội loại 2.000.000 đồng khui ngày 02/3/2011 âm lịch, có 23 hội viên; dây hội loại 2.000.000 đồng khui ngày 02/3/2011 âm lịch, có 18 hội viên; dây hội loại 2.000.000 đồng khui ngày 02/3/2011 âm lịch, có 23 hội viên; dây hội loại 2.000.000 đồng khui ngày 09/7/2012 âm lịch, có 21 hội viên). Nay bà đồng ý trả cho bà Điều, ông Chiến số tiền 40.000.000 đồng mà bà Điều, ông Chiến đã choàng hội cho bà nhưng bà yêu cầu được trả nhiều lần, mỗi vụ lúa bà trả 1.000.000 đồng, trả cho đến hết 40.000.000 đồng và chỉ một mình bà trả nợ, ông Tám không có trách nhiệm trả số nợ trên vì việc bà tham gia góp hội ông Tám không biết.

Đối với dây hội loại 300.000 đồng, khui ngày 18/9/2011 âm lịch và dây hội loại 300.000 đồng, khui ngày 22/02/2012 âm lịch thì bà không có tham gia góp hội nên bà không đồng ý trả số tiền hội chết trong hai dây hội đó cho bà Điều, ông Chiến số tiền 10.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Bùi Văn T đến Tòa án để hòa giải, làm rõ việc ông có tham gia góp hội và có sử dụng số tiền mà bà Nguyễn Thị B đã hốt hội được trong các dây hội đang có

tranh chấp hay không nhưng ông Bùi Văn T không đến Tòa án, Tòa án cũng không thể lấy lời khai của ông để làm rõ các vấn đề liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, ông có gửi cho Tòa án văn bản đề ngày 17/01/2019 với nội dung “*Vụ hội ông Bùi Văn C bà Trang Thị Đ tôi không có tham gia nên tôi xin vắng mặt nợ của vợ tôi vợ tôi tự trả*” (bút lục 545).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Bùi Văn T chưa chấp hành quy định về có mặt tại Tòa án để tham gia xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đối với 05 dây hội vụ: Bà Bào thừa nhận có tham gia góp hội và thiếu tiền hội chết của bà Điều, ông Chiến tổng cộng bằng 40.000.000 đồng nên bà Điều không cần phải chứng minh.

- Đối với 02 dây hội tháng: Dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 18/9/2011 âm lịch và dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 22/02/2012 âm lịch bà Bào cho rằng không tham gia góp hội và không thiếu tiền hội chết là không có cơ sở vì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh các hội viên như bà Nguyễn Thị Ánh, bà Huỳnh Thị Ai, bà Bùi Thị Đông, bà Lê Thị Hiệp, bà Nguyễn Thị Đậu, bà Kim Thị San, bà Trang Thị Riêng, bà Bùi Thị Hùng, bà Nguyễn Thị Chi, bà Nguyễn Thị Bé Hai thì những người này đều khẳng định bà Nguyễn Thị B có tham gia góp hội trong hai dây hội tháng nêu trên và đã hốt hội ở lần khai hội đầu tiên nhưng không biết bà Bào còn nợ tiền hội chết của bà Điều hay không. Từ đó xét thấy lời khai của bà Bào mâu thuẫn với lời khai của các hội viên nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Từ các căn cứ nêu trên vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Điều, ông Chiến, buộc bà Bào, ông Tám phải liên đới trả số tiền nợ hội cho ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ tổng cộng bằng 50.800.000 đồng. Bà Điều, ông Chiến không yêu cầu tính lãi nên không giải quyết. Buộc bà Bào, ông Tám chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn bà Trang Thị Đ và ông Bùi Văn C khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T tranh chấp tiền góp hội; bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T có địa chỉ tại Ấp Ông R 2, xã HH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với 05 dây hội vụ: Bà Nguyễn Thị Tám thừa nhận có tham gia góp hội trong 05 dây hội vụ do ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ làm đầu thảo: (1) Dây hội loại 1.000.000 đồng khai ngày 20/02/2008 âm lịch, có 24 hội viên; (2) Dây hội loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch, có 23 hội viên; (3) Dây hội loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch, có 18 hội viên; (4) Dây hội loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch, có 23 hội viên; (5) Dây hội loại 2.000.000 đồng khai ngày 09/7/2012 âm lịch, có 21 hội viên. Bà Nguyễn Thị Tám thống nhất đã hốt hội và còn thiếu tiền hội chết trong 05 dây hội nêu trên do ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ đã choàng hội thay cho bà với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng.

[4] Đối với 02 dây hội tháng: Bà Nguyễn Thị Tám không thừa nhận có tham gia góp hội trong hai dây hội tháng: (1) Dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 18/9/2011 âm lịch, có 37 hội viên; (2) Dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 22/02/2012 âm lịch, có 31 hội viên. Tuy nhiên, qua xác minh người làm chứng là các thành viên có tham gia góp hội trong hai dây hội nêu trên, bao gồm bà Huỳnh Thị Hà (bút lục 380-382, 440-444), bà Nguyễn Thị Tám (bút lục 147-148, 383-385), bà Nguyễn Thị Ánh (bút lục 108-109, 450-454), bà Nguyễn Thị Mao (bút lục 110-111, 403-406), bà Huỳnh Thị Ai (bút lục 112-113, 395-398), bà Bùi Thị Đông (bút lục 114-115), bà Lê Thị Hiệp (bút lục 116-117, 391-394), bà Nguyễn Thị Đậu (bút lục 129-130, 430-434), bà Kim Thị Si Phanl (bút lục 106-107, 131-132), bà Kim Thị San (bút lục 133-134), bà Trang Thị Riêng (bút lục 135-136, 388-390), bà Bùi Thị Hùng (bút lục 139-140, 435-439), bà Lý Thị Nguyễn (bút lục 141-142, 415-419), bà Nguyễn Thị Chi (bút lục 143-145), bà Nguyễn Thị Bé Hai (bút lục 152-154, 408-409) thì những người này đều khẳng định bà Nguyễn Thị B có tham gia góp hội trong hai dây hội tháng nêu trên và đã hốt hội ở lần khai hội đầu tiên (cả hai dây hội), trong danh sách hội viên bà Điều, ông Chiến giao cho các hội viên khi tham gia góp hội thì đều có ghi tên bà Bào (Tám Bào); bà Điều, ông Chiến tổ chức khai hội đến khi mãn hội. Như vậy, mặc dù bà Nguyễn Thị B không thừa nhận nhưng căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, các danh sách hội viên thì có căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị B có tham gia góp hội và đã hốt hội ở lần khai đầu tiên đối với dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 18/9/2011 âm lịch, có 37 hội viên và dây hội loại 300.000 đồng, khai ngày 22/02/2012 âm lịch, có 31 hội viên.

Đối với người làm chứng ông Trần Văn Nam (bút lục 149-151, 425-429), ông Nguyễn Văn Sơn (bút lục 137-138, 447-449), bà Trần Thị Liên (bút lục 126-128, 420-424), ông Đinh Tấn Phúc (bút lục 123-125, 410-414), bà Nguyễn Thị Dung (bút lục 118-119, 399-402) có lời khai trước sau không thống

nhất với nhau nên lời khai của những người này không có giá trị chứng minh trong vụ án.

Bà Trang Thị Đ và ông Bùi Văn C thừa nhận bà Nguyễn Thị B chỉ đóng tiền hội chết trong dây hội loại 300.000 đồng khui ngày 18/9/2011 âm lịch là 19 lần (còn 17 lần chưa đóng), dây hội loại 300.000 đồng khui ngày 22/02/2012 âm lịch là 11 lần (còn 19 lần chưa đóng). Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông bà đã đóng đủ tiền hội chết trong hai dây hội nêu trên cho bà Điều, ông Chiến. Các hội viên tham gia chơi hai dây hội trên khẳng định bà Điều, ông Chiến tổ chức khui hội đến khi mãn hội và giao tiền hốt hội đầy đủ cho các hội viên theo đúng số lượng hội viên ghi trên danh sách hội viên. Vì vậy, bà Điều, ông Chiến cho rằng ông bà đã choàng hội cho bà Bào, ông Tám trong hai dây hội nêu trên tổng cộng 36 lần với số tiền 10.800.000 đồng là có căn cứ ($36 \text{ lần} \times 300.000 \text{ đồng/lần} = 10.800.000 \text{ đồng}$). Do đó, bà Bào, ông Tám phải có trách nhiệm trả số tiền choàng hội 10.800.000 đồng cho bà Điều, ông Chiến.

[5] Bà Bào, ông Tám tham gia góp hội, đã hốt hội nên có nghĩa vụ đóng tiền hội chết đầy đủ cho đầu thảo để đầu thảo giao lại cho các hội viên hốt hội tiếp theo đúng thỏa thuận khi tham gia góp hội nhưng bà Bào, ông Tám không đóng tiền hội chết nên bà Điều, ông Chiến phải dùng tiền của bà Điều, ông Chiến để choàng hội cho bà Bào, ông Tám. Vì vậy, bà Bào, ông Tám phải có nghĩa vụ trả đầy đủ số tiền hội chết còn thiếu của bà Điều, ông Chiến. Bà Bào yêu cầu được trả nợ nhiều lần, mỗi vụ lúa trả 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ nhưng bà Điều, ông Chiến không đồng ý nên yêu cầu của bà Bào không có cơ sở chấp nhận. Bà Điều, ông Chiến không yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Tám và bà Bào cho rằng ông Tám không biết việc bà Bào tham gia góp hội nên ông Tám không có trách nhiệm trả nợ hội cho bà Điều, ông Chiến là không có cơ sở vì trong quá trình giải quyết vụ án (biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2016 - bút lục 241) và tại phiên tòa hôm nay bà Bào thừa nhận rằng việc bà tham gia góp hội, hốt hội để lấy tiền làm vốn chăn nuôi heo, mua phân bón, thuốc trừ sâu để canh tác ruộng, bà không có sử dụng tiền hốt hội để sử dụng riêng cho bà. Bà và ông Tám ở chung, làm ăn chung để phát triển kinh tế gia đình nên số tiền hội còn thiếu của bà Điều, ông Chiến là nợ chung của bà Bào, ông Tám nên bà Bào, ông Tám phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hội cho bà Điều, ông Chiến.

[7] Đối với số tiền hội mà bà Điều, ông Chiến choàng thay cho bà Bào, ông Tám trong các dây hội vụ sau khi khởi kiện, khởi kiện bổ sung do bà Điều, ông Chiến không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận hoàn toàn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Áp dụng các điều 17, 20, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, về họ, họ, biếu, phường;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C và bà Trang Thi Đ;

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T phải liên đới trả số tiền nợ hui cho ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ tổng cộng bằng 50.800.000 (năm mươi triệu tám trăm nghìn) đồng (trong đây hui vụ loại 1.000.000 đồng khai ngày 20/02/2008 âm lịch, có 24 hui viên; đây hui vụ loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch có 23 hui viên; đây hui vụ loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch có 18 hui viên; đây hui vụ loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/3/2011 âm lịch có 23 hui viên; đây hui vụ loại 2.000.000 đồng khai ngày 09/7/2012 âm lịch có 21 hui viên; đây hui tháng loại 300.000 đồng, khai ngày 18/9/2011 âm lịch, có 37 hui viên; đây hui tháng loại 300.000 đồng, khai ngày 22/02/2012 âm lịch, có 31 hui viên).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Văn T phải liên đới chịu 2.540.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn C và bà Trang Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Chiến và bà Điều số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tổng cộng bằng 1.621.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0002554, 0002555, 0002556, 0002557, 0002558, 0002559, 0002560, cùng ngày 22/4/2016; 0008283 ngày 28/12/2016; 0008492 ngày 03/3/2017; 0011604 ngày 25/9/2017; 0015225 ngày 28/12/2017; 0017705 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Kiến Quốc